

Bản án số: 12/2018/DS-ST

Ngày: 25-01-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng gửi giữ tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đức Thụy.

Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng gửi giữ tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Sơn L, sinh năm 1980. (có mặt)

Cư trú: Số 611, ấp F, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Cư trú: Số 477A/24, đường Q, khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn. (Giấy ủy quyền ngày 22/9/2017). (có mặt)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị Quý P1, sinh năm 1971- Giám đốc làm đại diện. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn L1, sinh năm 1969. (có mặt)

Cư trú: Tổ 3, ấp M, xã A, huyện Mi, tỉnh An Giang.

Bà Hoàng Thị Quế P2, sinh năm 1972. (xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Sơn L trình bày:

Từ tháng 12/2016 đến tháng 02/2017 ông L mang số lượng 400 tấn lúa và nẹp lại nhà máy N1 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N để xay gạo và nẹp. Theo thông lệ thì khi xay xong ông L sẽ gửi lại kho. Ông L1 là người trực tiếp nhập hàng và xuất hàng. Đến tháng 02/2017 ông L đến nhà máy kiểm tra số lượng nẹp thành phẩm ông L gọi lại thì phát hiện mất 934 bao nẹp. Do ông L1 là nhân viên quản lý kho của Công ty và là người giữ kho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N. Khi sự việc xảy ra ông L1 có trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng. Nay yêu cầu ông Trần Văn L1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông 934 bao nẹp, quy ra thành tiền là 461.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N do bà Hoàng Thị Quý P1 đại diện trình bày: Tôi đăng ký kinh doanh là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N, còn treo bảng hiệu tại nhà máy là công ty N1. Nay ông L yêu cầu trả số tiền 461.700.000, tôi không đồng ý vì ông L khi xay gạo để ở kho không báo cho tôi biết và ông L với tôi cũng không có làm hợp đồng gửi giữ. Công ty tôi chỉ xay gia công. Tôi và ông L không có thỏa thuận về việc giữ giữ tài sản mà ông L trình bày. Khi gia công, công ty vẫn cho khách gửi giữ gạo nẹp thành phẩm tại kho nhưng khách hàng phải báo cho tôi biết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 trình bày: Tôi có làm thuê cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N là chạy máy tách màu, làm công hưởng lương hàng tháng, tôi và ông L có thỏa thuận mua bán gạo nẹp khi gia công xong, khi nào bán được gạo nẹp thì ông L lại lấy tiền, việc thỏa thuận mua bán giữa tôi với ông L thì bà Quý P1 không biết, xay được thành phẩm bao nhiêu bao và bán với giá bao nhiêu thì giữa tôi với ông L có làm hợp đồng. Tôi mua nẹp của ông L bán lại cho những người khác nhưng những người đó chưa trả tiền cho tôi. Khi để gạo nẹp ở Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N tôi không báo cho bà Quý P1 biết vì công ty chỉ xay gia công và lấy tiền công. Tôi thừa nhận còn nợ ông L số tiền 461.700.000 đồng là tiền mua gạo nẹp với ông L. Việc mua bán giữa tôi với ông L không liên quan gì đến Công ty N. Tôi đồng ý trả 461.700.000 đồng lại cho ông L.

Bà Hoàng Thị Quế P2 trình bày: Tôi tên trong giấy chứng minh nhân dân là Hoàng Thị Quế P2 nhưng ở nhà hay gọi là B. Sự việc giữa ông L với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N tôi không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ

lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ông Trần Văn L1 nhận giữ 120 tấn nếp thành phẩm của ông Phạm Sơn L gửi, do tin tưởng nên không có làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng này là hợp pháp. Do ông L1 tự ý lấy 934 bao nếp của ông L đem bán mà chưa được sự đồng ý của ông L, nên ông L yêu cầu ông L1 trả giá trị 934 bao nếp tương đương số tiền 461.700.000 đồng, ông L1 đồng ý. Nên buộc ông L1 có trách nhiệm trả cho ông L 461.700.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông P đại diện theo ủy quyền của ông L rút lại phần yêu cầu khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N, do bà Hoàng Thị Quý P1 – Giám đốc làm đại diện liên đới cùng với Trần Văn L1 trả cho ông số tiền 461.700.000 đồng. Nhận thấy, việc rút yêu cầu này là tự nguyện, nên đình chỉ đối với phần rút yêu cầu trên.

Do ông Phạm Sơn L không yêu cầu tính lãi suất, nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Phạm Sơn L khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N địa chỉ ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, bà Hoàng Thị Quý P2 xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Ông Phạm Sơn L yêu cầu ông Trần Văn L1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 461.700.000 đồng, tương đương giá trị 934 bao nếp mà ông gửi giữ tại kho của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của ông Phạm Sơn L chỉ yêu cầu ông Trần Văn L1 trả số tiền 461.700.000 đồng. Ông Trần Văn L1 thống nhất với yêu cầu của ông Phạm Sơn L và đồng ý trả số tiền còn nợ 461.700.000 đồng cho ông L. Do hoàn cảnh hiện nay đang khó khăn nên đề nghị khi nào có tiền sẽ trả lại.

Xét thấy, ông Trần Văn L1 có nhận giữ 934 bao nếp thành phẩm của ông Phạm Sơn L, giữa hai bên không có lập thành văn bản nhưng được các bên thừa nhận. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L1 bán số nếp này nhưng không trả tiền cho ông L, ông L khởi kiện ông L1 trả lại số tiền 461.700.000 đồng là phù hợp Điều 562 Bộ luật dân sự 2005.

[3]. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn P xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N liên đới với ông Trần Văn L1 trả số tiền 461.700.000 đồng cho ông Phạm Sơn L. Việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông L.

[4]. Về lãi suất: Ông Phạm Sơn L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 562 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Sơn L.

[1]. Buộc ông Trần Văn L1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Sơn L 461.700.000 (bốn trăm sáu mươi một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

[2]. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Sơn L đối với yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N liên đới với ông Trần Văn L1 trả số tiền 461.700.000 đồng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn L1 phải chịu 22.468.000 (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Ông Phạm Sơn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.617.000 (năm triệu sáu trăm mười bảy nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013952 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[4]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới